

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 847/2026/DS-PT  
Ngày: 23/9/2026  
V/v: tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các Thẩm phán :* Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Lê Văn Phận

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Pho – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 764/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa:

**-Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1963. Địa chỉ: số F, khóm A, phường A, tỉnh Vĩnh Long ( vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn* là bà Phan Thị Hồng H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: C, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long ( có mặt) và chị Phạm Ngọc Minh C, sinh năm 2000. Địa chỉ: số H, L, phường A, tỉnh Vĩnh Long ( vắng mặt) ( theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2025).

**-Bị đơn:** ông Bùi Trang M, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Vĩnh Long ( vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn* là bà Bùi Thị Phương D, sinh năm 1976. Địa chỉ: H - 856, T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh ( có mặt ) và anh Trần Phước N, sinh năm 1995. Địa chỉ: khu phố B, xã T, tỉnh Tây Ninh ( có mặt) (theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2025).

**-Người làm chứng:**

+Bà Lê Thị Ngọc D1, sinh năm 1983. Địa chỉ: số A, đường N, phường P, tỉnh Vĩnh Long ( xin vắng mặt)

+Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1993. Địa chỉ: số A khóm M, phường A, tỉnh Vĩnh Long ( xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Ngọc Minh C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 19/09/2024, bà Nguyễn Thị Bích H có cho ông Bùi Trang M vay số tiền là 7.500.000.000 đồng ( bảy tỷ năm trăm triệu đồng) để bổ sung vốn để kinh doanh. Cùng ngày, bà H và ông M có lập giấy viết tay "Hợp đồng vay tiền" trong đó thỏa thuận nội dung như sau: Thời hạn vay là 03 (ba) tháng kể từ ngày 19/09/2024 cho đến ngày 19/12/2024 là tất toán; Lãi suất hai bên thỏa thuận là: 2%/tháng, tương đương số tiền là 150.000.000 đồng/ tháng. Tiền lãi sẽ được trả vào ngày 19 tây hàng tháng; Phương thức giao nhận tiền: Hai bên xác nhận bà H đã giao và ông M đã nhận đủ số tiền 7.500.000.000 đồng bằng tiền mặt. Mặt khác, hai bên có thỏa thuận nếu ông M chậm trả tiền lãi cho bà H 01 tháng thì bà H có quyền yêu cầu trả lại tiền vốn vay và tiền lãi trước thời hạn mà không cần báo trước với ông M. Ông M đã trực tiếp viết tay xác nhận nội dung "Tôi đã đọc và đồng ý", đồng thời ký tên, lấn tay và ghi rõ họ tên trên giấy tay "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 19/09/2024. Từ ngày vay tiền cho đến nay ông M không trả cho bà H tiền lãi cũng như tiền gốc lần nào, ngày 19/12/2024 đến kỳ hạn trả gốc và lãi cho bà H thì ông M không trả.

Do đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Bùi Trang M có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 7.500.000.000 đồng đã vay theo giấy tay "Hợp đồng vay tiền" ngày 19/09/2024 và yêu cầu tính lãi như sau:

- Kể từ ngày 19/09/2024 đến ngày 19/12/2024 với lãi suất đã thỏa thuận là 2%/tháng là  $7.500.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 450.000.000 \text{ đồng}$ .

- Kể từ ngày 20/12/2024 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Tổng số tiền ông M phải trả cho bà H tạm tính là 8.323.500.000đ ( Tám tỷ ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

*-Theo bản tự khai ngày 11/4/2025, ngày 09/6/2025 của bị đơn ông Bùi Trang M, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của ông M trình bày:*

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn ông M khẳng định giữa ông và bà H hoàn toàn không có sự thỏa thuận vay tiền, cũng như không hề có việc giao nhận bất kỳ khoản tiền nào. Hợp đồng vay tiền ngày 19/09/2024, do bà H cung cấp, là hợp đồng giả tạo, có dấu hiệu bị lập khống với mục đích chiếm đoạt tài sản và các tình tiết trong vụ việc này cần được xem xét dưới góc độ hình sự. Giữa ông và bà H không hề có mối quan hệ quen biết, giao dịch hay liên hệ nào trước đó. Ông không biết bà H là ai, ở đâu, và chưa từng có bất kỳ cuộc gặp mặt hay thương lượng hoặc giao dịch giữa hai bên. Nên việc bà H cho rằng ông có mối quan hệ dân sự từ hợp đồng cho vay là giả dối. Thứ hai, hợp đồng vay tiền đề ngày 19/09/2024 không xác định rõ địa điểm giao dịch, thời gian cụ thể cũng không được nêu. Thứ ba, số tiền 7.500.000.000 đồng được nêu trong hợp đồng là một con số rất lớn, không thể chỉ thể hiện qua một văn bản viết tay sơ sài trên tờ giấy A4, không có biên nhận, không có nhân chứng, và không có bất kỳ hình thức chuyển khoản hay xác nhận nào về việc giao nhận tiền. Điều này không phù hợp với thông lệ thông thường của các giao dịch tài chính ở quy mô lớn.

Theo lẽ thường, một người cho vay số tiền lên tới 7,5 tỷ đồng sẽ không thể im lặng và thụ động trong suốt một khoảng thời gian dài như vậy. Đáng lẽ ra bà H phải có những động thái rõ ràng và cụ thể nhằm yêu cầu bên vay hoàn trả khoản nợ, chẳng hạn như gửi thư yêu cầu thanh toán, gọi điện thoại, nhắn tin hoặc đến tận nơi để trực tiếp gặp gỡ, trao đổi về nghĩa vụ trả nợ. Toàn bộ hồ sơ không thể hiện có bất kỳ phương tiện liên lạc nào giữa ông và bà H để chứng minh rằng giữa hai bên có sự gặp gỡ, thỏa thuận, hay giao dịch liên quan đến việc vay tiền. Việc không có tính liên kết này, đặc biệt là trong một giao dịch có giá trị rất lớn như vậy, là điều hoàn toàn bất hợp lý và khó có thể chấp nhận trên thực tế.

Ông M đã được Tòa án cho xem bản chính của Hợp đồng vay tiền. Ông không biết chữ viết phần nội dung hợp đồng vay tiền là của ai. Ông xác định chữ viết, chữ ký và dấu vân tay phần dưới cùng góc phải ở mục Bên B có nội dung “Tôi đã đọc và đồng ý...Bùi Trang M” là chữ viết và chữ ký của ông M, 02 dấu vân tay cũng là dấu vân tay của ông M. Ông M viết, ký tên và lấn tay vào khoảng thời gian từ 25/5/2024 đến ngày 05/6/2024. Khi ông M viết, ký tên và lấn tay thì ông M ký vào tờ giấy trắng chứ không có nội dung gì. Vì ông M có vay tiền từ bà Lê Thị Ngọc D1 và số tiền rất nhỏ, chứ không phải là vay 7.500.000.000 đồng của bà H.

*Người làm chứng bà Võ Thị Cẩm T trình bày:* Ngày 19/9/2024 bà T cùng bà H, bà D1 tới quán nước ở Phường D, thành phố B để chứng kiến bà H cho ông M vay số tiền 7.500.000.000 đồng. Bà H giao tiền mặt cho ông M, lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng. Bà D1 là người viết nội dung trong hợp đồng vay tiền. Bà T chứng kiến ông M nhận đủ 7.500.000.000 đồng tiền mặt và ký, ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền.

*Người làm chứng là bà Lê Thị Ngọc D1 trình bày:* Ngày 19/9/2024 bà D1 cùng bà H, bà T tới quán nước ở Phường D, thành phố B để chứng kiến bà H cho ông M vay số tiền 7.500.000.000 đồng, bà H giao tiền mặt cho ông M, lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng. Chính bà D1 là người viết nội dung trong hợp đồng vay tiền. Bà D1 chứng kiến ông M nhận đủ 7.500.000.000 tỷ đồng tiền mặt và ký, ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Bùi Trang M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc ông Bùi Trang M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 8.309.250.000 (Tám tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng đồng, bao gồm: 7.500.000.000 (Bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng tiền vốn gốc và 809.250.000 (T1 trăm lẻ chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 bị đơn ông Bùi Trang M kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa bản án dân sự sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Trần Phước N là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông M trình

bày nội dung kháng cáo: ông M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H.

Chị Phan Thị Hồng H1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn ông Bùi Trang M. Bà H giữ nguyên số tiền gốc buộc ông M phải trả là 7,5 tỷ đồng, về phần tiền lãi suất bà H đồng ý giảm cho ông M 209.250.000đ, chỉ lấy tiền lãi 600.000.000đ, tổng cộng là 8.100.000.000đ.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ và tuân theo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Qua xem xét nội dung kháng cáo, ông Bùi Trang M cho rằng trong khoảng thời gian diễn ra giao dịch vay mượn tiền, ông không có mặt tại địa điểm nêu như án sơ thẩm xác nhận vào ngày 19/9/2024 để ký thỏa thuận và giao nhận tiền nên Hợp đồng vay này không có thật. Đây là nội dung có liên quan trực tiếp đến việc xác định có hay không việc xác lập giao dịch vay tiền giữa các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ quan trọng được các bên đặt ra là “Hợp đồng vay tiền” ngày 19/09/2024. Theo Công văn số 3668/C09-P5 ngày 24/11/2025 của V Bộ C1, đã trao đổi về nội dung yêu cầu giám định tuổi mực, thời điểm tạo lập tài liệu và chênh lệch thời gian, cơ quan giám định chưa giải quyết được các yêu cầu giám định nêu trên. Tại cấp phúc thẩm bị đơn vẫn không thừa nhận giá trị của “Hợp đồng vay tiền” ngày 19/9/2024, trong khi đó, hồ sơ cấp sơ thẩm tổ chức đối chất, nhưng việc đối chất giữa các đương sự cũng chưa thực hiện được. Bị đơn ông Bùi Trang M tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thực hiện việc giám định tại cơ quan chuyên môn mà bị đơn cho rằng có khả năng thực hiện được loại giám định này. Phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Xét thấy, để thực hiện việc giám định tại cơ quan chuyên môn, xác định giá trị chứng minh của “Hợp đồng vay tiền” là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với việc giải quyết nội dung kháng cáo của đương sự.

Bởi các lẽ trên, VKSND tỉnh Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259, Điều 304 Bộ luật tố tụng dân sự: Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để thực hiện việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ cần thiết và xem xét việc yêu cầu giám định theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Trang M làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Trang M;

-Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Trang M có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 7.500.000.000đ ( bảy tỷ năm trăm triệu đồng) theo “*Hợp đồng vay tiền*” lập ngày 19/9/2024 có chữ ký, chữ viết họ tên, điểm chỉ của ông Bùi Trang M dưới mục BÊN B. Toàn bộ nội dung hợp đồng vay tiền do bà Lê Thị Ngọc D1 là người làm chứng viết, thể hiện ông M có vay của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 7.500.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 19/09/2024 cho đến ngày 19/12/2024; Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, tương đương số tiền 150.000.000 đồng/tháng; Tiền lãi sẽ được trả vào ngày 19 tây hàng tháng; hai bên xác nhận bà H đã giao và ông M nhận đủ số tiền mặt 7.500.000.000 đồng vào ngày ký hợp đồng. Ông M thừa nhận chữ ký họ tên, điểm chỉ dưới mục BÊN B là của ông M. Tuy nhiên ông M không thừa nhận có giao dịch vay của bà H số tiền 7,5 tỷ đồng, ông M cung cấp cho Tòa án các tài liệu vi bằng, tờ trình, bản sao kê tài khoản... thể hiện ông M có vay tiền của bà Lê Thị Ngọc D1. Ông M cho rằng ông có vay tiền của bà D1 nhiều lần với lãi suất cao. Trong quá trình ông vay tiền của bà D1 thì bà D1 yêu cầu ông M ký tên vào tờ giấy A4 màu trắng chưa có nội dung phía trên, do tin tưởng bà D1 nên ông M đã ký vào tờ giấy trắng bà D1 cất giữ. Ông M không quen biết với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H nên không có việc bà H cho ông vay tiền, vì vậy ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Tại các phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Bùi Trang M không có quen biết nhau, thông qua sự giới thiệu của bà Lê Thị Ngọc D1 nên bà H cho ông M vay số tiền 7,5 tỷ đồng, bà H trực tiếp giao tiền mặt cho ông M tại quán cà phê nhỏ bên hông siêu thị C2 ( không chuyên khoản), không có tài sản bảo đảm. Bà D1 và bà T là người trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà H và ông M. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2026 bà Nguyễn Thị Bích H khai bà D1 là người chuẩn bị sẵn giấy, mực, viết, kẻ dòng vào tờ giấy A4, bà D1 viết toàn bộ nội dung biên nhận, bà H bỏ tiền mặt trong bọc ni lông màu đen giao cho ông M. Vì vậy cần phải làm rõ mối quan hệ giữa bà H, ông M, bà T, bà D1, vì các bên đều thừa nhận bà H không quen biết ông M, việc bà H cho ông M vay tiền thông qua sự giới thiệu của bà Lê Thị Ngọc D1. Còn ông M thì cho rằng có giao dịch vay mượn với bà D1 và có nộp được các tài liệu để chứng minh. Như vậy cần làm rõ bà D1 có vai trò như thế nào đối với hợp đồng vay tiền do chính tay bà D1 viết ngày 19/09/2024. Số tiền giao dịch trên có liên quan đến giao dịch giữa ông M và bà D1 hay không? Bà H và ông M không quen biết nhau thì bà H có cho ông M vay số tiền rất lớn 7,5 tỷ đồng mà không có tài sản bảo đảm.

[4] Cần làm rõ nguồn tiền ở đâu bà H có để cho ông M vay, vì đại diện nguyên đơn khai bà H làm nghề buôn bán bất động sản, nhưng thực tế bà H khai tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2026 bà H là cán bộ nghỉ hưu, không kinh doanh bất động sản. Ngoài ra bà H khai trong số tiền 7,5 tỷ đồng cho ông M vay

có 3,5 tỷ đồng là của em gái bà tên Nguyễn Thị Bích N1, trú tại Phường S, tỉnh Vĩnh Long, nội dung này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[5] Nguyên đơn không cung cấp được địa điểm mà bà H giao cho ông M nhận số tiền mặt 7,5 tỷ đồng và tại sao ông M biết viết chữ, nguyên đơn không yêu cầu ông M viết toàn bộ nội dung biên nhận mà do bà Lê Thị Ngọc D1 viết. Số tiền 7,5 tỷ đồng là rất lớn, ngoài hợp đồng vay tiền thì nguyên đơn không cung cấp được tài liệu nào khác thể hiện trước thời điểm vay mượn giữa các bên có liên hệ, thỏa thuận liên quan đến việc vay mượn số tiền 7,5 tỷ đồng hoặc sau đó có đề cập đến tiền lãi suất.

[6] Lời khai các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có mâu thuẫn nhau, cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa các đương sự theo quy định tại Điều 100 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lập biên bản lấy lời khai đối chất giữa chị Phan Thị Hồng H1, Phạm Ngọc Minh C là đại diện của bà H và ông Bùi Trang M ( BL79) nên chưa làm rõ được những mâu thuẫn trong lời khai của đương sự.

[7] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn xác định hợp đồng vay tiền ngày 19/09/2024 là chứng cứ duy nhất để buộc bị đơn trả số tiền 7,5 tỷ đồng, bị đơn thừa nhận chữ ký của ông M, nhưng cho rằng nội dung phần trên là được viết chèn sau thời điểm ông M ký tên và có yêu cầu giám định. Theo Công văn số 3668/C09-P5 ngày 24/11/2025 của V Bộ C1 đã trao đổi về nội dung yêu cầu giám định tuổi mực, thời điểm tạo lập tài liệu và chênh lệch thời gian, cơ quan giám định chưa giải quyết được các yêu cầu giám định nêu trên. Tại cấp phúc thẩm ông Bùi Trang M tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc giám định tại cơ quan chuyên môn mà bị đơn cho rằng có khả năng thực hiện được loại giám định này là Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam. Xét thấy yêu cầu trên là có căn cứ để xác định giá trị chứng minh của “Hợp đồng vay tiền” là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với việc giải quyết yêu cầu của đương sự. Để giải quyết toàn diện vụ án thì cần phải thu thập hết các tài liệu chứng cứ, yêu cầu đương sự. Tuy nhiên để đảm bảo thời hạn xét xử và đảm bảo hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do hủy án nên ông Bùi Trang M không phải chịu án phí phúc thẩm;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ vụ án

cho Tòa án nhân dân khu vực 5 -Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả ông Bùi Trang M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000630 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND khu vực 5 -VL;
- Phòng THADS khu vực 5-VL;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Ánh Bình**